

Số: 165 /TM-BG

Tuyên Hóa, ngày 10 tháng 04 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý các Công ty.

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu mua sắm hóa chất xét nghiệm – vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa.

Nay đơn vị thông báo đến các công ty có đủ năng lực kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia gửi báo giá cho một hoặc nhiều phần danh mục hàng hóa như sau:

(Có danh mục kèm theo)

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 10/04/2025 đến 16h ngày 24/04/2025.

Hình thức nhận báo giá: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tiểu khu Tam Đồng - Thị trấn Đồng Lê – Tuyên Hóa – Quảng Bình.

Hoặc qua E-mail: khoaduocbvth@gmail.com

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Phan Tiến Dũng, trưởng khoa dược, Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, SĐT: 0919419357.

Bệnh viện rất mong nhận được sự tham gia của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Lâm Tuấn Phương

DANH MỤC HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM – VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo thư mời chào giá số: 465 /TM-BG ngày 10 tháng 04 năm 2025)

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Gói thầu số 1: Mua sắm hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa					
PHẦN 1: Hóa chất huyết học					
1	1	Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu A	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A hệ nhóm máu ABO. (Lọ 10 ml)	Lọ	20
2	2	Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu AB	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên A,B hệ nhóm máu ABO. (Lọ 10 ml)	Lọ	17
3	3	Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu B	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên B hệ nhóm máu ABO. (Lọ 10 ml)	Lọ	15
4	4	Thuốc thử xét nghiệm định danh nhóm máu hệ Rh(D)	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên D hệ Rh. (Lọ 10 ml)	Lọ	25
PHẦN 2: Hóa chất sinh hóa					
5	1	Hóa chất định lượng Creatinin	Thành phần: - R1: Picric acid - R2: Sodium hydroxide R1: 3x60ml R2: 3x60ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10
6	2	Hóa chất định lượng Glucose	Thành phần: TRIS pH 7.4 Phenol Glucose oxidase (GOD) Peroxidase (POD) 4 – Aminophenazone (4-AP) (6 x 60ml) Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10

7	3	Hóa chất định lượng Triglycerides	Thành phần: GOOD pH 6.3 p-Chlorophenol Lipoprotein lipase (LPL) Glycerol kinase (GK) Glycerol-3-oxidasa (GPO) Peroxidase (POD) 4 – Aminophenazone (4-AP) ATP (6 x 60ml) Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10
8	4	Hóa chất định lượng Uric acid	Thành phần: - R1: Phosphate pH 7.4 2-4 Dichlorophenol sulfonate (DCPS) - R2: Uricase Peroxidase (POD) Ascorbate oxidase 4 – Aminophenazone (4-AP) R1: 3x60 ml R2: 3x60 ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	3
9	5	Hóa chất định lượng Total Proteins	Sodium potassium tartrate: 15mmol/L; Sodium iodide: 100mmol/L; Potassium iodide: 5mmol/L; Copper (II) sulphate: 19 mmol/L. (6 x 60ml). Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	4
10	6	Hóa chất định lượng Albumin	Bromocresol green pH 4,2: 0,12mmol/L. (6x60ml). Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	1
11	7	Hóa chất định lượng Total Bilirubin	R1: Surfactants: <1%, Hydrochloric acid (HCl): 160mM; R2: 2.4-DPD : >=2mM, Hydrochloric acid (HCl): 120mM, Sulfactant: <1% R1: 4 x 40 ml R2: 2 x 20 m Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	2

12	8	Hóa chất định lượng Direct Bilirubin	R1: Sulfamic acid: 100mM; R2: 2,4-DPD: 0.5mM, Hydrochloric acid (HCl): 0.3M R1: 4 x 40 ml R2: 2 x 20 ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	2
13	9	Hóa chất định lượng Cholesterol	Thành phần: PIPES pH 6.9 Phenol Cholesterol esterase (CHE) Cholesterol oxidase (CHOD) Peroxidase (POD) 4 – Aminophenazone (4-AP) (6 x 60ml) Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10
14	10	Hóa chất định lượng Urea	Thành phần: - R1: TRIS pH 7.8 alpha-Ketoglutarate Urease; - R2: GLDH NADH R1: 4 x 40ml R2: 2 x 20ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	15
15	11	Thuốc thử định lượng HbA1c	Test định lượng HbA1c. (Hộp 30 test)	test	600
16	12	Nước rửa kim - Probecleaner	Chất tẩy rửa có tính kiềm cực mạnh được sử dụng để loại bỏ các chất kết tủa và thuốc thử bám trên đầu lấy mẫu và đầu rửa của máy phân tích (Natri hypochloride <10%). (Hộp 10 test)	test	20
17	13	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Amylase sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: R: MES pH 6,0 - 100 mmol/L CNP3 - 2,25 mmol/L Sodium clorhidre - 350 mmol/L Calcium acetate - 6 mmol/L Potassium	Hộp	1

			thiocyanate - 900 mmol/L Sodium azide - 0,95 gr/L: (R: 2x60 ml) Xuất xứ: Châu Âu		
18	14	Hóa chất GPT / ALT- LQ.IFCC sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: - R1: TRIS pH 7.8 Lactate dehydrogenase (LDH) L-Alanine - R2: NADH alpha-Ketoglutarate R1: 4 x 40ml R2: 2 x 20ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10
19	15	Hóa chất GOT/AST- LQ.IFCC sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: - R1: TRIS pH 7.8 Lactate dehydrogenase (LDH) Malate dehydrogenase (MDH) L-Aspartate - R2: NADH alpha-Ketoglutarate R1: 4 x 40ml R2: 2 x 20ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	10
20	16	Hóa chất LDLc -D sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: R1 (Enzymes): PIPES Buffer, Cholesterol Esterase, Cholesterol oxidase, Catalase, TOOS; R2 (Enzymes): PIPER Buffer, 4-Aminoantipyrine (4-AA), Peroxidase. R1: 10 x 24 ml R2: 10 x 8ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	4
21	17	Hóa chất HDLc -D sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần: R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6.6: 100mM,	Hộp	4

22			N-(2-hydroxy-3-sulopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0.7mM, Cholesterol Esterase: >=800U/L, Cholesterol oxidase: >=500U/L, Catalase: >=300U/L, Ascorbic oxidase: >=3000U/L; R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7.0: 1.1mmol/L, 4-Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM, Peroxidase: >=3500U/L. R1: 10 x 24 ml R2: 10 x 8ml Xuất xứ: Châu Âu		
23	18	Hóa chất định lượng CRP	Thành phần: - R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8.2. Preservative. - R2: Latex particles coated with goat IgG antihuman CRP, pH 7.3. Preservative. - CRP-CAL: Chất hiệu chuẩn. R1: 2x30 ml R2: 1x15 ml CAL: 1x1 ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	20
24	19	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Kiểm soát 66 thông số Sinh hóa. (20 x 5 ml). Xuất xứ: G7	HỘP	2
25	20	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Kiểm soát 66 thông số Sinh hóa. (20 x 5 ml). Xuất xứ: G7	HỘP	2
26	21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người. Hiệu chuẩn 38 thông số Sinh hóa. (20 x 5 ml). Xuất xứ: G7	HỘP	2
27	22	Hóa chất định lượng anti-streptolysin O (ASO)	R1: Tris buffer 20 mmol/L, pH 8.2. Preservative. R2: Latex partic coated with streptolysin O, pH 10.0 Preservative. Calibrator. Human serum.	Hộp	10

			R1: 2x30 ml R2: 1x15 ml CAL: 1x1 ml Xuất xứ: Châu Âu		
27	23	Hóa chất định lượng g-GT	R1(Buffer): TRIS pH 8.6: 100mmol/L, Glycylglycine: 100 mmol/L; R2(Substrate): L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3mmol/L. R1: 4 x 40 ml R2: 2 x 20 ml Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	4
PHẦN 3: Sinh phẩm					
28	1	Khay thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV	Định tính phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Có dung dịch đệm đi kèm. Dạng khay. - Độ nhạy : 100% 100% (99.53% - 100%); độ đặc hiệu : 99.78%% (99.36% - 99.95%); độ chính xác: 99.85 (99.56%-99.97%) so với các xét nghiệm nhanh thương mại. - Kit thử ổn định 150 ngày khi ở nhiệt độ 45 độ C - Không bị gây nhiễu bởi các loại chất có khả năng gây nhiễu mẫu phẩm chứa 0,2 mg/mL Axit Ascorbic, 10 mg/mL Hemoglobin, 0,6 mg/mL Bilirubin, 0,2 mg/mL Axit Gentisuric, 1 mg/mL 4- Acetaminophen, 0,2 mg/mL Axit Acetylsalicylic, 0,2 mg/mL Caffeine, 0,2 mg/mL Axit Oxalic, 0,6 mg/mL Axit Uric, 20 mg/mL Albumin, 0,2 mg/mL EDTA và 50 mg/mL Triglyceride. - Đạt chứng nhận ISO, CE Mark, EUFSC, có chứng chỉ FSC từ 2 nước trở lên (Hộp/40 test)	Test	1000
29	2	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B	Định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Dạng khay. - Độ nhạy: 100% (98,0%-100%); độ đặc hiệu : 96,8% (92,6%-98,9%), độ chính xác: 98.3% ((96.2%-99.4%) so với phương pháp tham chiếu EIA. - Ngưỡng phát hiện: 1 ng/mL - Ổn định đến nhiệt độ 45 độ C trong 77 ngày - Thành phần: Vạch chứng (C): Kháng thể IgG dê kháng chuột	Test	1500

			0.161 µg~1.204 µg, Vạch thử (T): Kháng thể kháng HBsAg 0.321~1.204 µg, Công hợp vạch thử: kháng thể HBsAg: 0.188-1.486 µg/ test - Giấy phép lưu hành do BYT cấp thuộc phân loại D - Đạt chứng nhận ISO, FSC (Hộp/40 test)		
30	3	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Status và Clinitek Advantus. Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen. (Hộp 100 test)	Test	1000
31	4	Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu	Chủng loại: Cybow 11. Đây là que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite. Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu DFI Cybow. (Hộp 100 Cái)	Test	5000
32	5	Que xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Chứng chỉ ISO 13485 .Các thông số nước tiểu được phân tích: Bạch cầu, Ketone, Nitrite, Urobilinogen, Bilirubin, Protein, Glucose, Trọng lượng riêng, Máu, pH, Ascorbic Acid, Creatinine, Canxi, Microalbumin. Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu UC-280A. (Hộp 100 test)	Test	5000
33	6	Dengue NS1 antigen Test Card	Định tính để phát hiện sốt xuất huyết NS1 kháng nguyên trong mẫu máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người Độ nhạy: 97,50%. Độ đặc hiệu: 99,28%. Độ chính xác: 98,75%. Phát hiện protein NS1 trong cả 4 loại vi rút sốt xuất huyết lysate I, II, III và IV. Giới hạn phát hiện: 0,25 ng/mL trên kháng nguyên Dengue NS1 tái tổ hợp từ typ huyết thanh 2 (DEN2) Không phát hiện hiệu ứng móc cầu với kháng nguyên Dengue NS1 ở nồng độ lên tới 200 µg/mL. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, có 2 CFS từ 2 nước trở lên. (Hộp 25 test)	Test	500
34	7	OnSite TB IgG/IgM Combo Rapid Test	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium tuberculosis (M. TB) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. Dạng khay. Tỷ lệ dương tính phù hợp: 84,1%. Độ nhạy tương quan: 87,2%, độ đặc hiệu	Test	300

			tương quan: 94,6% và độ chính xác tương quan: 93,2% so với khay thử TB IgG ELISA. Không phản ứng chéo với các mẫu bệnh phẩm: CMV, ANA, Sốt rét, HAMA, HCV, HIV, Giang mai và RF (lên đến 2500IU/mL) Đạt tiêu chuẩn ISO. (Hộp 25 test)		
35	8	Test nhanh phát hiện các chất gây nghiện (MET/ THC/ MDMA/ MOP/ COC)	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml + COC: 300 ng/ml Độ nhạy: $\geq 99,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,6\%$. (Hộp 15 test)	Test	500
36	9	Que thử xét nghiệm định tính kháng thể IgG và IgM kháng Syphilis	Định tính phát hiện các kháng thể IgG&IgM anti-TP trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy : 99.5% (98.1%-99,9%); độ đặc hiệu : 99.8% (98.9%-100.0%), độ chính xác: 99.7% (99.0%-99,9%) so với phương pháp TPFA - Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng 1:1024 mẫu dương tính với giang mai - Kít thử ổn định 77 ngày khi để ở nhiệt độ 45°C - Thành phần: Cộng hợp vạch chứng C: Biotin (0,009-0,067μg); Vạch chứng (C): Streptavidin (0,161-0,963μg) - Không có phản ứng chéo với mẫu HBsAg dương tính, HBsAb dương tính, HBeAb dương tính, HBcAb dương tính, kháng HIV dương tính, Yếu tố dạng thấp (RF), kháng HCV dương tính và kháng Lao dương tính. - Dạng que. HSD 24 tháng. - Giấy phép lưu hành do BYT phân loại C - Đạt chứng nhận ISO, CE Mark, EUFSC. (Hộp 50 test)	Test	50
37	10	Ống nghiệm Citrate 3,8% 2ml nắp xanh lá, mous thấp	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1 ml, nắp nhựa màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% kháng đông cho 2ml máu. được đóng trên đế mous thấp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016. (2.400 ống/ thùng)	Ống	6000
Tổng cộng 37 mặt hàng					
Gói thầu số 2: Mua sắm vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2025 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa					

STT	STT theo phần	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
Phần 1: Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa					
1	1	Phim X Quang	Kích cỡ: 20X25cm Phim dùng cho chụp X-Quang y tế. Tương thích với máy in phim nhiệt model: DryPix 2000/3000, Drypix Lite. Xuất xứ: G7	Hộp	150
2	2	Phim X-quang	Kích thước 35cmx43cm. - Công nghệ in: khô, laser. - Tương thích với máy in phim khô laser Fuji, Drypix series: Drypix Plus (Drypix 4000), Drypix Smart (Drypix 6000), Drypix 7000, Drypix Edge (Drypix 8000). Xuất xứ G7	Hộp	30
3	3	Nẹp tăng áp bản nhỏ	- Chất liệu thép không gỉ (vật liệu số 1.4441) theo tiêu chuẩn ISO 5832-1 - Chiều dày nẹp 3.0mm - Chiều rộng nẹp 10.0mm - Khoảng cách các lỗ 12.0/16.0mm - Nẹp có 3-8 lỗ, dài tương ứng 37-97mm - Sử dụng vít đk 3.5mm - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	10
4	4	Vít xương cứng 3.5mm	- Vít xương cứng 3,5mm, lỗ xiết vít lục giác, thích hợp dụng cụ vặn vít 2.5mm + Bước ren kiểu Cortex (20 TPI) + Đầu vít Self-tapping + Chiều dài: 20mm + Chất liệu: Thép không gỉ SS316L Đạt tiêu chuẩn: FDA; FSC; ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Directive 2007/47/EC.	Cái	30
5	5	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	- Chất liệu Titanium Grade 3 nguyên chất - Dùng vít khóa có đk 3.5mm. - Dùng vít xương cứng có đk 3.5mm. - Độ dày: 2.5mm, độ rộng: 11.2 mm. - Số lỗ: 4/6/8/10/12 lỗ - Tương ứng với độ dài từ 90/112/134/156/178mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Cái	2
6	6	Vít xương cứng 2.7	- Chất liệu Titanium - Đường kính 2.7mm	Cái	10

			- Dài các cỡ 2.7 x 6/8/10/12/14/16/18/20/22/23/24/25/26/27/28/29/30/32/34/36/38/40mm - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE		
7	7	Đinh Kirschner	Đường kính 1.0mm. Chất liệu được làm từ thép không gỉ .Hai đầu nhọn, dài 300mm	Cái	20
Phần 2: Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật					
8	1	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6/6. Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD & Blue NO.2 hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Kim thép không gỉ phủ silicon. 10/0 (30CM)	Tép	40
9	2	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6/6. Chỉ được nhuộm màu xanh (FDA FD & Blue NO.2 hoặc màu đen (Logwood extract). Sợi chỉ tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Kim thép không gỉ phủ silicon. 7/0 (75CM)	Tép	60
10	3	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. 2/0 (3) 75CM DS24. Xuất xứ: G7	Tép	400
11	4	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon. 3/0 (2) 75CM DS24). Xuất xứ: G7	Tép	400
12	5	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1/0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C. Xuất xứ: G7	Tép	1000
13	6	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C. Xuất xứ: G7	Tép	800
14	7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C. Xuất xứ G7	Tép	400
15	8	Lưỡi dao mổ số 10	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10.	Cái	1000
Phần 3: Băng, gạc, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương					
16	1	Băng thun	Nguyên liệu: Dệt từ sợi cao su và sợi polyester. Ngoại quan: Mềm, mịn, có độ đàn hồi. Màu trắng. Độ bền kéo đứt (chiều dọc): 172.6 N Độ giãn 100% sau khi căng 4 giờ: 6.3 Độ bền nén thùng: 186.4 N Độ dài dải khi đứt (chiều dọc): 216.0%: 7.5cmx2m	Cuộn	600

17	2	Băng bó bột (bột bó băng xương gãy)	Dùng để băng xương gãy: (STAR 10cmx4.6m)	Cuộn	144
18	3	Băng bó bột (bột bó băng xương gãy)	Dùng để băng xương gãy: (STAR 15cmx4.6m)	Cuộn	144
19	4	Băng gạc hút nước	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s - Hàm lượng chất tan trong nước: không quá 0.5% - Hàm lượng chất béo: < 0.1%: 18x26, khổ 0.8m	Mét	6000
20	5	Gạc phẫu thuật ổ bụng	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s. 40 x 40cm x 4 lớp	Gói	300
Phần 4: Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, catheter					
21	1	Dây hút dịch (nhót)	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn Iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương. Số 16	Cái	50
22	2	Dây hút dịch (nhót)	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn Iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương. Số 14	Cái	50
23	3	Dây hút dịch (nhót)	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. 10 mm, 20mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn Iso 9001, iso 13485 hoặc tương đương. Số 12	Cái	50

24	4	Dây thở oxy	Dây dẫn chiều dài $\geq 2m$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm cỡ, người lớn. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	700
25	5	Dây thở oxy	Dây dẫn chiều dài $\geq 2m$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em., - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	200
26	6	Ống thông dạ dày	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. - Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. - cỡ :16. Màu theo cỡ số để nhận biết. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	100
27	7	Ống nội khí quản sử dụng một lần (bao gồm ống nội khí quản canlene)	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cán quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn: số :7.0mm	Cái	100
28	8	Ống nội khí quản sử dụng một lần (bao gồm ống nội khí quản canlene)	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cán quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn: số 7.5mm	Cái	50
Phần 5: Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác					
29	1	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. - Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc - Tiệt trùng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng.	Cái	2000
30	2	Dụng cụ kiểm tra huyết áp	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg Độ chính xác $\pm 3mmHg$ Hệ thống ống dẫn khí, bao gồm bao vải + quả bóp có van: Cỡ người lớn. Xuất xứ: G7	Cái	10
31	3	Dụng cụ kiểm tra huyết áp	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg Độ chính xác $\pm 3mmHg$ Hệ thống ống dẫn khí, bao gồm bao vải + quả bóp có van: Cỡ trẻ em. Xuất xứ: G7	Cái	5
32	4	Dụng cụ kiểm tra huyết áp	Thiết kế mặt nghe :2 mặt. Chuông & màng chắn, loại hai chiều có độ nhạy âm cao. Càng ống nghe làm bằng chất liệu Aluminum. Dây dẫn có thiết kế chữ Y: nhựa P.V.C. Màu xám hoặc đen. Xuất xứ: G7	Cái	10
33	5	Túi luồn Camera M6	Được làm từ ống nylon. Có dây buộc 2 ly; túi nylon 9cmX 14cm. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas	Cái	200

Phần 6: Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh

34	1	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần	Dây dẫn dài ≥ 1500 mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. - Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. - Bộ phận đầu nối có bầu cao su tiếp thuốc. - Đầu nối kim làm từ nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, có thiết kế khóa vận để khóa chặt kim (Luer lock). - Kim xuyên nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn. - Van thoát khí (van lọc khí) có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5 ml. - Kim 2 cánh bướm các cỡ. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Không chứa độc tố DEHP	Bộ	15000
35	2	Bơm tiêm cho ăn	Dung tích xy lanh 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	100
36	3	Dây truyền máu	Loại 20 giọt/mL - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC. Xuất xứ: G7	Bộ	20
37	4	Găng tay y tế latex có bột	Chiều dài: 240mm min hàm lượng bột: 10mg/dm ² Hàm lượng protein: 200µg/dm ² Sức kéo: Trước lão hóa: 6N min Sau lão hóa: 6N min	Đôi	10000
38	5	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Chiều dài: 280+/-5 min Hàm lượng bột: 10mg/dm ² Hàm lượng protein: 200µg/dm ² Sức kéo: Trước lão hóa: 24Mpa min Sau lão hóa: 18Mpa min: Số 6; 6,5;7;7,5	Đôi	4000
39	6	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Kim đốc thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. Đường kính: 0.16-0.45(mm), Chiều dài: L: 13-75(mm) Đạt tiêu chuẩn EC và ISO 13485.	Cái	250000
40	7	Kim chích máu	Kim số 28G, Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho tất cả các máy đo đường huyết, các xét nghiệm khác	Cái	3000
41	8	Kim gây tê, gây mê	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 3 1/2" G27, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Xuất xứ: G7	Cái	600

42	9	Kim gây tê nha khoa	Kim được làm từ thép không gỉ cao cấp, cấu trúc kim vát 3 cạnh góc, ống canula sáng bóng và đệm silicon đạt chuẩn .27G: 0,4mm x 21mm. Xuất xứ: G7	Cái	1500
43	10	Kim luồn tĩnh mạch	• Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 4 đường cân quang • Catheter FEP kháng xoắn, chấn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn • Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn • Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon • Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene • Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân • Chuôi kim ôm sát thân kim để dàng thao tác • Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch • Chuôi kim trong suốt để dàng cho việc quan sát • Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. • TrimLength, khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm (ISO10555) • Sử dụng 1 lần • Tiệt trùng khí EO. Đạt chứng nhận: ISO 9001, ISO13485, FSC Châu Âu, CO- Chứng nhận chất lượng: COA, CE Quy cách: 24G x 3/4 (0,7 x 19 ml) 22ml/min Xuất xứ: Châu Âu	Cái	1000
44	11	Túi đựng nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml không có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	600
45	12	Túi máu đơn có dung dịch bảo quản CPDA-1	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1. Hạn dùng 36 tháng	Túi	20
Phần 7: Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương					

46	1	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao ortho-Phthalaldehyde CIDEX OPA	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Ph 7,2-7,8. Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản đựng dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate), có que thử. Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis). Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz.). Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS. Can 3,78 lít. Xuất xứ G7	Can	50
Phần 8: Vật tư y tế không phân nhóm					
47	1	Gel siêu âm	Gel siêu âm, Gel điện tim phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não. (Can 5 lít)	Lít	200
48	2	Giấy điện tim	Giấy điện tim Innomed G-80,BTS-310, New Tech 3105B, Edan SE3, Suzuken Cardico 306 (sọc đỏ) 80mm x 20m	Cuộn	300
49	3	Giấy điện tim	Giấy điện tim 3 cân Nihon Koden, Fukuda Denshi (sọc cam) 63mm x 30m	Cuộn	100
50	4	Giấy in siêu âm dùng cho máy siêu âm	Dùng cho máy siêu âm. KT giấy 110 mmx20m. Giấy chất liệu tốt, in kết quả rõ đẹp	Cuộn	200
51	5	Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học	Giấy in cho máy sinh hóa, huyết học 58mm x 30m.	cuộn	500
52	6	Nhiệt kế thủy ngân	- Chất liệu: thủy tinh, có cột thủy ngân, đầu đo tiếp nhiệt. - Dùng trong hộp nhựa, có bộ phận cố định bảo vệ đầu đo tiếp nhiệt. - Hiện thị nhiệt độ: từ 35-42°C, khoảng chia vạch 0,1°C, độ chính xác: ±0.1°C.	cái	300
53	7	NK-PYLORI TEST	Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H.pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. (Hộp 20 test)	Test	1000
54	8	Cán dao điện	Cán dao máy đốt cao tần phù hợp với tất cả các loại máy cắt đốt, dao điện. Cán dao là cán cao su cách nhiệt, dễ cầm nắm, thao tác	Cái	200
Tổng cộng 54 mặt hàng					